

TAND HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số 20 /2020/DSST

Ngày 21 tháng 8 năm 2020.

V/v: T/c Hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Giáp Quang Huy.
- **Hội thẩm nhân dân:** 1/Ông Trần Thành Đô. 2/Ông Đồng Văn Diện.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án huyện Lạng Giang.
- **Đại diện VKS huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Tuấn
- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 21/8/2020 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST-DS ngày 16/3/2020, về việc “ Tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Chị Phùng Thị B, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 27/2/2020 và các lời khai tiếp sau, ông Trần Văn S trình bày: Do mối quan hệ là người cùng xã và do chị B cần vốn để đi chợ; nên trong năm 2019, chị B có vay của vợ chồng ông 06 lần tiền, với tổng số tiền vay là 280.000.000 đồng; Các lần vay cụ thể như sau: Ngày 18/6/2019 vay 30.000.000

đồng; Ngày 29/6/2019 vay 30.000.000 đồng; Ngày 03/7/2019 vay 40.000.000 đồng; Ngày 11/9/2019 vay 80.000.000 đồng; Ngày 20/9/2019 vay 20.000.000 đồng; Ngày 18/10/2019 vay 80.000.000 đồng. Tất cả các lần vay đều viết giấy biên nhận vay tiền, do chị B ký vào mục “Người vay”, Trong các giấy vay tiền không ghi thời hạn trả tiền gốc, không ghi lãi suất; nhưng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 2,5%/tháng/gốc và trả lãi hàng tháng. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chị B mới trả được tiền lãi cho ông theo lãi suất thỏa thuận đến hết tháng 7/2020, còn nợ tiền vay gốc 280.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 01/8/2020 đến nay. Do cần sử dụng tiền, nên ông đã thông báo và yêu cầu chị B trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi còn nợ cho ông, nhưng chị B cứ khất lần, khất lượt mà không chịu trả cho ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu chị B trả ông tiền gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 1%/tháng/gốc, kể từ ngày 01/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2020. Cụ thể tiền lãi được tính là $280.000.000đ \times 1\% \times 21 \text{ ngày} = 1.960.000$ đồng.

- Tại bản khai ngày 23/3/2020 và các lời khai tiếp sau, chị Phùng Thị B trình bày: Chị chỉ thừa nhận, trong năm 2019, chị có vay của ông S, bà Lý 05 lần tiền, với tổng số tiền là 200.000.000 đồng; Các lần vay cụ thể như sau: Ngày 18/6/2019 vay 30.000.000 đồng; Ngày 29/6/2019 vay 30.000.000 đồng; Ngày 03/7/2019 vay 40.000.000 đồng; Ngày 11/9/2019 vay 80.000.000 đồng; Ngày 20/9/2019 vay 20.000.000 đồng. Trong các lần vay đều viết giấy biên nhận vay tiền, do chị ký vào mục “Người vay”; Trong các giấy vay tiền đều không ghi thời hạn trả tiền gốc, không ghi lãi suất; nhưng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 1.500đ/triệu/ngày và trả lãi hàng tháng; khi vay tiền anh Toàn (chồng chị) không biết và không được sử dụng tiền vay này. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chị chưa trả được tiền gốc, nhưng chị đã trả được cho ông S, bà Lý tiền lãi theo thỏa thuận đến hết tháng 7/2020 và còn nợ lại tiền vay gốc là 200.000.000 đồng. Nay chị chỉ đồng ý trả ông S, bà Lý tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 1%/tháng/gốc, kể từ ngày 01/8/2020 cho đến nay. Đối với khoản tiền vay 80.000.000 đồng, ghi trong giấy vay tiền ngày 18/10/2019 là không có, chị không vay số tiền này, nên chị không có trách nhiệm phải trả. Lý do tại sao ông S lại có giấy vay tiền này có chữ ký của chị thì chị không rõ; chị yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của chị trong giấy biên nhận trên, để xác định có đúng chữ ký, chữ viết của chị hay không ?.

- Tại bản khai ngày 26/3/2020, bà Trần Thị L trình bày: Do mối quan hệ quen biết là người cùng xã và do chị B cần vốn để đi chợ, nên trong năm 2019 chị B có vay của vợ chồng bà 06 lần tiền, với tổng số tiền vay là 280.000.000 đồng; Cụ thể các lần vay như sau: Ngày 18/6/2019 vay 30.000.000 đồng; Ngày 29/6/2019 vay

30.000.000 đồng; Ngày 03/7/2019 vay 40.000.000 đồng; Ngày 11/9/2019 vay 80.000.000 đồng; Ngày 20/9/2019 vay 20.000.000 đồng; Ngày 18/10/2019 vay 80.000.000 đồng. Tất cả các lần vay đều viết giấy biên nhận vay tiền, do chị B ký vào mục “Người vay”, Trong các giấy vay tiền không ghi thời hạn trả tiền gốc, không ghi lãi suất; nhưng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 2,5%/tháng/gốc và trả lãi hàng tháng. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chị B là người trả tiền lãi cho ông S (chồng bà), bà không theo dõi, nên bà không nắm được cụ thể đã trả được bao nhiêu tiền và trả đến thời gian nào. Nay bà yêu cầu chị Sầu phải trả cho vợ chồng bà tiền vay gốc còn nợ là 280.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của ông S đã trình bày. Do công việc bận, nên bà đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt bà ở mọi cấp Tòa án theo quy định của pháp luật.

- **Tại phiên tòa hôm nay:** Chị B vẫn chỉ thừa nhận vay của ông S, bà Lý số tiền gốc là 200.000.000 đồng, nên chị chỉ đồng ý trả tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi của 200.000.000 đồng, theo mức lãi là 1%/tháng/gốc và chị không yêu cầu xem xét tiền lãi đã trả trước đó, chị không thừa nhận vay của ông S, bà Lý số tiền 80.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 18/10/2019, chị cũng không yêu cầu giám định lại chữ ký, chữ viết của chị trong giấy vay tiền ngày 18/10/2019 và chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông S vẫn xác định chị B vay của vợ chồng ông tổng số tiền gốc là 280.000.000 đồng; ông yêu cầu chị B trả tiền gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 1%/tháng/gốc, kể từ ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2020. Cụ thể tiền lãi là $280.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 21 \text{ ngày} = 1.960.000 \text{ đồng}$.

- **Kiểm sát viên trình bày quan điểm tại phiên tòa:**

+ Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục về phiên tòa sơ thẩm quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Xác định, trong năm 2019 chị B vay của ông S, bà Lý 06 lần tiền, với tổng số tiền vay là 280.000.000 đồng. Các lần vay đều viết giấy biên nhận vay tiền do chị B ký vào mục “Người vay”; Trong các giấy vay tiền không ghi thời hạn trả tiền gốc, không ghi lãi suất; nhưng các bên thỏa thuận miệng lãi suất và trả lãi hàng tháng, việc thỏa thuận lãi đều được các bên thừa nhận. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ; chị B mới trả lãi đến hết tháng 7/2020 và còn nợ nguyên tiền vay gốc, tiền lãi từ ngày 01/8/2020 cho tới nay. Như vậy, chị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; Do đó nay ông S khởi kiện yêu cầu chị B phải trả tiền gốc

còn nợ là 280.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 1%/tháng/gốc, kể từ ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử 21/8/2020 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông S. Việc chị B không thừa nhận vay khoản tiền 80.000.000 đồng ghi trong giấy vay tiền ngày 18/10/2019, Trong quá trình giải quyết vụ án; Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký: B và chữ viết: Phùng Thị B, tại mục “Người vay” trong giấy vay tiền ngày 18/10/2019 và đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận giám định: Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết “ B - Phùng Thị B” tại mục “ Người vay” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Phùng Thị B trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M 11) là do cùng một người ký, viết ra. Do đó không có căn cứ để xác định chị B chỉ vay của ông S, bà Lý, số tiền gốc là 200.000.000 đồng như chị B trình bày.

+ Đề xuất: Đề nghị HĐXX; Áp dụng các Điều 463; 466; 468; 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 26; 35; 39; 91; 147; 160; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S; buộc chị Phùng Thị B phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn S, bà Trần Thị Lý, tiền vay gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi là 1.960.000 đồng.

Chị Phùng Thị B phải chịu tiền chi phí giám định và án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho ông Trần Văn S tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về đơn khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của ông Trần Văn S đã đảm bảo về hình thức, nội dung. Đối tượng khởi kiện là các giấy vay tiền năm 2019, đều không xác định thời hạn thanh toán; khi cần tiền ông S đã thực hiện thông báo trước cho chị B trả tiền; do đó xác định trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của Bộ luật dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Do chị B vi phạm nghĩa vụ trả nợ và các bên không tự thỏa thuận được; Nên ông S khởi kiện yêu cầu chị B thực hiện nghĩa vụ trả nợ; Do đó, xác định là quan hệ tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 26; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung và yêu cầu khởi kiện: Trong năm 2019 chị B có vay của ông S, bà Lý 06 lần tiền; Các lần vay như sau: Ngày 18/6/2019 vay 30.000.000 đồng; Ngày 29/6/2019 vay 30.000.000 đồng; Ngày 03/7/2019 vay 40.000.000 đồng; Ngày 11/9/2019 vay 80.000.000 đồng; Ngày 20/9/2019 vay 20.000.000 đồng; Ngày 18/10/2019 vay 80.000.000 đồng; Tổng số tiền là 280.000.000 đồng. Toàn bộ các lần vay đều viết giấy biên nhận vay tiền do chị B ký vào mục “ Người vay”, trong các giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nợ gốc, không ghi lãi suất; nhưng các bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2,5%/triệu/tháng.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Chị B mới trả được cho ông S tiền lãi theo thỏa thuận đến hết tháng 7/2020, việc trả lãi được ông S thừa nhận. Hiện chị B còn nợ tiền vay gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/8/2020 cho tới nay. Khi cần tiền, ông S đã thông báo cho chị B trả tiền vay gốc và tiền lãi còn nợ, nhưng chị B không chịu thu xếp để trả tiền cho ông S. Do đó, nay ông S khởi kiện yêu cầu chị Sàu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông S, bà Lý tiền vay gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 1%/tháng/gốc, kể từ ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2020 hôm nay; tiền lãi là 1.960.000 đồng.

Yêu cầu nêu trên của ông S là có căn cứ; bởi lẽ:

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “ *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản..*”. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “ *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “ *Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản..*”. Từ những căn cứ của các điều luật nêu trên; HĐXX xét thấy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S đối với chị B nêu trên.

Việc chị B không thừa nhận vay khoản tiền 80.000.000 đồng ghi trong giấy vay tiền ngày 18/10/2019, Trong quá trình giải quyết vụ án; Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký: B và chữ viết: Phùng Thị B, tại mục “Người vay” trong giấy vay tiền ngày 18/10/2019 và đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận giám định: Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết “ B - Phùng Thị B”

tại mục “ Người vay” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Phùng Thị B trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M 11) là do cùng một người ký, viết ra. Trong đó; chị B không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh chị không vay số tiền 80.000.000 đồng, theo giấy biên nhận vay tiền ngày 18/10/2019 Do đó không có căn cứ để xác định chị B chỉ vay của ông S, bà Lý, số tiền gốc là 200.000.000 đồng, nên không được HĐXX chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện, ông S xác định anh Phạm Văn Toàn (chồng chị B) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Tuy nhiên, anh Toàn không ký các giấy vay tiền nêu trên và không biết việc chị B vay tiền của ông S, bà Lý, không thể chấp tài sản gì của vợ chồng để đảm bảo các khoản vay trên; Việc này cũng được ông S, bà Lý, chị B thừa nhận. Mặt khác, ông S chỉ yêu cầu cá nhân chị B thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, xác định anh Toàn không liên quan đến vụ án.

[4] Về chi phí giám định và án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S, do đó chị Phùng Thị B phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định và án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về yêu cầu khởi kiện: Áp dụng các Điều 463; 466; 468; 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 26; 35; 39; 91; 147; 160; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S đối với chị Phùng Thị B. Buộc chị Phùng Thị B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Văn S, bà Trần Thị L, tiền vay gốc là 280.000.000 đồng; tiền lãi là 1.960.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/ Về chi phí giám định: Chị Phùng Thị B phải chịu 3.240.000 đồng tiền chi phí giám định. Xác nhận chị Phùng Thị B đã thi hành xong.

3/ Về án phí: Chị Phùng Thị B phải chịu 14.098.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Văn S 7.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trong Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0002212 ngày 16/3/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự (có mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa